

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 12/2022/DS-PT

Ngày 08-4-2022

*“TrA chấp hợp đồng  
vay tài sản”*

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Ng

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Hữu H

Bà Nguyễn Thị Hải M

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Bích H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 04 và ngày 08 tháng 04 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021 về “TrA chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân V, tỉnh Nghệ An, bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông Đinh Viết B, sinh năm 1955. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm C, xã A, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

**\* Bị đơn:** Chị Trần Thị Th, sinh năm 1988. Có mặt.

ĐKHKT: Xóm C, xã C, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Kim Mỹ, xã A, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

**- Người kháng cáo:** Bị đơn – chị Trần Thị Th.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong Đơn khởi kiện ngày 07/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đinh Viết B trình bày:*

Chị Trần Thị Th và ông là hàng xóm nên có quan hệ quen biết nhau, vào ngày 31/12/2018 chị Th có giới thiệu ông Đặng Tuấn A là giám đốc công ty TNHH B làm đại lý Bảo hiểm Prudention và chị Trần Thị Th là nhân viên của ông Đặng Tuấn A, do chị Th kiểm quỹ hụi chưa xoay được để bù nên đặt vấn đề vay tiền ông, vì tin tưởng nên ông đồng ý, ông đã cho chị Th và ông Đặng Tuấn A vay số tiền là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng). Vào khoảng 20 giờ ngày 31/12/2018, tại nhà riêng của chị Th, chị Th là người trực tiếp viết giấy vay nợ có chữ ký của người vay là chị Trần Thị Th và ông Đặng Tuấn A, hạn ngày 12/01/2019 sẽ trả cho ông, do quen biết nên ông không tính lãi suất. Đến hạn 12/01/2019, chị Th và A Tuấn A chưa trả cho ông khoản vay này. Sau đó, do ông Đặng Tuấn A cần tiền làm ăn nên chị Th và ông Tuấn A đến gặp ông hỏi vay tiền thì ông đồng ý cho vay với số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), chị Th là người trực tiếp cùng ông đến Ngân hàng SHB, C (địa chỉ: Số 215, đường V thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) để chị Th trực tiếp nhận tiền. Đến khoảng 20 giờ ngày 02/01/2019 chị Th đã viết giấy vay nợ và trong giấy vay nợ thì người vay ký tên là ông Đặng Tuấn A, còn chị Th chỉ tham gia là người làm chứng. Trong giấy vay nợ ngày 02/01/2019 thì hạn ngày 15/01/2019 sẽ trả cho ông. Đến ngày 15/01/2019, chị Th cùng với con trai ông Đặng Tuấn A là A Đặng Tuấn Lâm đã đến trả cho ông số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) trong số tiền vay ngày 02/01/2019 nên giấy vay nợ này còn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lúc này ông yêu cầu chị Th trả toàn bộ số nợ theo giấy vay nợ ngày 31/12/2018 và giấy vay nợ ngày 02/01/2019 nhưng chị Th không có tiền để trả nên chị Th đã viết giấy hạn vào ngày 22/01/2019 sẽ trả cho ông số tiền còn thiếu là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng). Đến ngày 22/01/2019, chị Th không có tiền để trả cho ông nên chị Th tự viết giấy hạn và tự nguyện để lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Đức Thọ và chị Trần Thị Th để làm tin. Từ ngày 22/01/2019 cho đến nay, chị Th chưa hề trả nợ cho ông một đồng nào. Mặc dù trong vay nợ có ông Đặng Tuấn A và chị Trần Thị Th cùng ký vào giấy vay nợ nhưng hiện nay ông Tuấn A bỏ đi đâu cả ông và chị Th đều không rõ, ông chỉ yêu cầu chị Trần Thị Th trả cho ông một nửa số nợ theo giấy vay nợ. Đề nghị Tòa án buộc chị Trần Thị Th phải trả cho ông Đinh Viết B số tiền nợ gốc theo giấy vay nợ đề ngày 31/12/2018 là 275.000.000 đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi suất tính theo lãi suất Ngân hàng là 8,5%/năm, quá trình giải quyết vụ án ông yêu cầu lãi suất kể từ ngày 22/01/2019 cho đến ngày 23/12/2020 (02 năm) là: 46.750.000 đồng (bốn mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng),

tại phiên tòa ông bổ sung yêu cầu đề nghị Tòa án buộc chị Th phải trả cho ông tiền lãi từ 24/12/2020 cho đến thời điểm xét xử là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Tổng số tiền lãi ông B yêu cầu là: 55.750.000 đồng (năm mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng số tiền vay và tiền lãi ông Đinh Viết B yêu cầu chị Trần Thị Th phải trả là 330.750.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Tại Bản tự khai ngày 23/12/2020, lời khai tại các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Th trình bày: Chị Trần Thị Th không đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu của ông B vì việc vay nợ giữa ông B và ông Đặng Tuấn A chị chỉ là người làm chứng. Theo chị đối với giấy vay nợ ngày 31/12/2018 thì chị và ông B đến Ngân hàng SHB, chi nhánh Vinh (địa chỉ: Số 215, đường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) để rút số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) theo sổ tiết kiệm của ông B tại Ngân hàng. Sau khi rút xong thì ông B đưa tiền cho chị, sau đó chị và ông B ra khỏi Ngân hàng và chị đưa số tiền này cho ông Đặng Tuấn A rồi chị và ông B về nhà. Số tiền này, giữa ông B và ông Tuấn A có thỏa thuận là hạn tới ngày 31/12/2018, ông Tuấn A sẽ trả cho ông B tại nhà chị Th. Tuy nhiên, khoảng 21 giờ ngày 31/12/2018, tại phòng ngủ nhà chị ông Tuấn A trả cho ông B số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) và đưa cho ông B số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) là tiền bù lãi suất tại Ngân hàng cho ông B. Do trùng vào ngày thứ bảy, chủ nhật nên ông B nói không để tiền mặt tại nhà, thì ông Tuấn A hỏi mượn lại số tiền 550.000.000 đồng và có viết giấy vay nợ mà chị là người trực tiếp viết. Trong giấy vay nợ có nội dung: Chị và Tuấn A có vay ông B số tiền 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) và hạn đến ngày 12/01/2019 trả. Trong giấy vay nợ, ông B là người ký vào phần người cho vay còn chị và ông Tuấn A thì ký vào phần người vay.

Đối với khoản nợ ngày 02/01/2019, chị gọi điện thoại cho ông B để vay tiền nhưng ông B không đồng ý. Tuy nhiên, khi chị và ông Tuấn A đã đến nhà ông B để vay tiền thì ông B đồng ý. Sau đó, chị và ông B đi lên Ngân hàng SHB để rút số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) ở sổ tiết kiệm của ông B ở Ngân hàng. Sau khi nhận tiền, chị và ông B đã đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (địa chỉ: Đường A, phường Hưng B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) để đưa tiền cho ông Tuấn A. Sau đó chị và ông B về nhà chị thì chị là người viết giấy vay nợ vào ngày 02/01/2019 với nội dung: Ông Tuấn A vay ông B số tiền 500.000.000 đồng hạn ngày 15/01/2019 trả. Trong giấy vay nợ, ông B là người ký vào phần cho vay, ông Tuấn A là người ký vào phần người vay, chị ký vào người làm chứng. Ngày 15/01/2019, ông B đến nhà chị yêu cầu chị và ông Tuấn A phải trả toàn bộ số nợ cho ông B. Sau đó ông Tuấn A có gọi điện nhờ chị vay hộ tiền

để trả cho ông B, thì chị cùng con trai ông Đặng Tuấn A là A Đặng Tuấn Lâm đi vay tiền sau đó về nhà chị, chị trực tiếp trả cho ông B số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và chị có viết giấy hẹn trả nợ cho ông B vào ngày 22/01/2019, sẽ trả toàn bộ số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Chị cho rằng số nợ 31/12/2018 chị đã trả 400.000.000 đồng nên số nợ còn lại giấy vay nợ này là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) nên ông Tuấn A phải có trách nhiệm trả khoản nợ này cùng với khoản nợ ngày 02/01/2019 cho ông B là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng). Do trước đó giữa ông Tuấn A và ông B có viết giấy vay nợ số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) nên chị viết giấy hẹn như thế là dựa trên giấy vay nợ của ông Tuấn A. Ngày 18/01/2019, chị nghe tin vợ chồng Tuấn A bị bế nợ nên chị cùng ông B và bố chị đến nhà ông Tuấn A để yêu cầu ông Tuấn A trả nợ cho ông B nhưng ông Tuấn A nói chưa có trả và ông Tuấn A có viết giấy chuyển nhượng đất để ông B trả nợ thay tại Ngân hàng và được quyền bán tài sản của ông Tuấn A. Vợ chồng Tuấn A ký giấy vay nợ rồi ông B cầm. Ngày 19/01/2019, ông B cùng với chị lên nhà ông Tuấn A để đòi nợ thì ông B đưa sổ tài khoản cho ông Tuấn A để ông Tuấn A trả nợ cho ông B. Sau đó ông B yêu cầu chị phải chịu trách nhiệm về khoản nợ của ông Tuấn A nhưng chị không đồng ý nên ông B đã nhiều lần đến nhà chị đe dọa chị và các con, ông B đã ép buộc và yêu cầu chị phải đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B cầm làm tin và ông B đọc cho chị viết giấy vay nợ với nội dung: Chị và ông Tuấn A vay ông B số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng), chị gửi bác B bìa đất mang tên vợ chồng chị là Lê Đức Thọ và Trần Thị Th hẹn khi nào có tiền đưa lại cho ông B thì ông B trả lại bìa.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xuất trình các tài liệu: giấy vay nợ ngày 31/12/2018; giấy vay lập ngày 02/01/2019; giấy lập ngày 15/01/2019; giấy lập ngày 22/01/2019.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân V, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, khoản 3 điều 200, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 105, 463, 465, 466, khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Viết B: Buộc chị Trần Thị Th phải trả cho ông Đinh Viết B số tiền vay tại giấy vay ngày 31/12/2018 là 275.000.000 đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi suất là 55.750.000 đồng (năm mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng chị Trần

Thị Th phải trả cho ông Đinh Viết B số tiền 330.750.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/5/2021, chị Trần Thị Th kháng cáo với nội dung: ngày 31/12/2018, chị và ông Đặng Tuấn A cùng ký giấy vay ông B số tiền 550.000.000 đồng, còn khoản vay 500.000.000 đồng ngày 02/01/2019 của ông Tuấn A chị chỉ là người làm chứng, không nhận tiền. Ngày 15/01/2019, chị đã đem số tiền 400.000.000 đồng trả cho ông B, trong đó chị trả một nửa là 200.000.000 đồng, một nửa còn lại cho Tuấn A vay để trả cho ông B nên số nợ chung còn lại chỉ là 150.000.000 đồng. Ông B cũng không có chứng cứ gì thể hiện số tiền 400.000.000 đồng là của Tuấn A nhờ chị trả giúp cho khoản vay của ông Tuấn A vay ngày 02/01/2019. Cũng theo giấy hẹn trả nợ của khoản vay chung ngày 31/12/2018 thì đến ngày 12/01/2019 chị và Tuấn A phải trả nợ, tại thời điểm chị trả 400.000.000 đồng thì khoản nợ chung đến hạn trước nên chị trả cho khoản vay này, ông B cũng đã xác nhận là trả nợ chậm trong giấy trả tiền. Do đó, chị kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm tuyên bố chị chỉ nợ ông B số tiền 75.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Th giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ông B không chấp nhận kháng cáo của chị Th, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và các bên đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa, ông B và chị Th đều thừa nhận giấy lập ngày 15/01/2019 được viết sau khi ông B nhận số tiền 400.000.000 đồng và được viết cùng một thời điểm. Như vậy, có căn cứ chị Th và ông Đặng Tuấn A đã trả cho ông B số tiền 400.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền chị Th đã trả cho ông B là  $\frac{1}{2}$  trong số tiền 400.000.000 đồng; chấp nhận kháng cáo của chị Th, sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, kết quả tra tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Xét kháng cáo của bà Trần Thị Th, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị Th làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên xác định kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị Trần Thị Th, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ nội dung khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn thì ông Đinh Viết B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Trần Thị Th phải trả cho ông B  $\frac{1}{2}$  số tiền nợ gốc 550.000.000 đồng theo giấy vay nợ đề ngày 31/12/2018 là 275.000.000 đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi suất tính theo lãi suất Ngân hàng là 8,5%/năm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 55.750.000 đồng (năm mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng số tiền vay và tiền lãi ông Đinh Viết B yêu cầu chị Trần Thị Th phải trả là 330.750.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông B cho rằng: Khoản tiền 400.000.000đ ông nhận tại nhà chị Th là tiền của ông Đặng Tuấn A nhờ con trai Đặng Tuấn Lâm trả hộ cho khoản vay ngày 02/01/2019, ngày 15/01/2019 là ngày hẹn trả nợ, nên giấy vay nợ này còn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Khoản tiền chị Th và ông Đặng Tuấn A vay ngày 31/12/2018, chưa trả được đồng nào.

Bị đơn chị Trần Thị Th cho rằng: Khoản tiền 400.000.000 đồng mà ông B nhận tại nhà chị Th là tiền của chị Th và ông Đặng Tuấn A trả ông B cho giấy vay nợ lập ngày 31/12/2018, trong đó tiền chị Th trả cho ông B là 200.000.000 đồng, tiền của ông Đặng Tuấn A là 200.000.000 đồng. Số tiền còn lại chị Th và ông Tuấn A chưa trả cho ông B là 150.000.000 đồng. Do đây là khoản tiền vay chung của chị Th và ông Tuấn A nên chị Th xác định có trách nhiệm trả nợ  $\frac{1}{2}$  của số tiền 150.000.000 đồng còn nợ của ông B.

Xét giấy lập ngày 15/01/2019, thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm chị Th, ông B thừa nhận trong giấy lập ngày 15/01/2019 phần nửa trên mặt trước tờ giấy có nội dung “Ngày 15/01/2019 Th và Xếp T.A trả Bác B: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng chẵn) tôi đã nhận 4.000.000 triệu. Bốn trăm triệu. B. Đinh Viết B” là do chị Th viết, ông B ký xác nhận nhận tiền; phần nửa dưới mặt trước tờ giấy có nội dung “Th vay 31/12/2018 550.000.000 12/1/2019 hẹn trả quá hạn. Th vay 02/1/2019 vay 500.000.000đ hẹn 15/01/2019 trả hiện chưa có trả 21h/15/1/2019 trả 400.000 còn lại Th hiện không có trả ngày thì Th cho con ông vào ở bàn giao nhà lại. B. Đinh Viết B” là do ông B viết; phần mặt sau tờ giấy có nội dung “Th hẹn Bác B ngày 22/01/2019, sẽ trả số tiền còn thiếu là: 650.000.000đ (sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Trần Thị Th ký tên. Không đồng ý lần nữa rồi. Không tính lãi yêu cầu trả đúng hạn: B” là do chị Th và ông B viết. Chị Th và ông B đều xác nhận Giấy

lập ngày 15/01/2019 được viết cùng một thời điểm là ngày 15/01/2019. Như vậy, có căn cứ xác định: Ngày 15/01/2019, ông B trực tiếp nhận số tiền 400.000.000đ tại nhà chị Th, sau khi nhận tiền chị Th viết giấy, ông B đã ký xác nhận.

Ông B cho rằng, khoản tiền này là A Đặng Tuấn Lâm trả thay cho ông Đặng Tuấn A đối với khoản nợ 500.000.000đ hạn trả ngày 15/01/2019. Tuy nhiên đây chỉ là lời trình bày của ông B, ông B cũng không xuất trình thêm được bất cứ tài liệu gì chứng minh số tiền 400.000.000đ mà ông B đã nhận là của ông Tuấn A. Mặt khác, trong giấy lập ngày 15/01/2019, chỉ viết nội dung “*Th và Xếp T.A trả Bác B: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng chẵn)*” mà không nêu rõ 400.000.000 đồng là trả nợ cho khoản vay riêng của ông Tuấn A (khoản vay ngày 02/01/2019 số tiền 500.000.000 đồng) hay trả nợ cho khoản vay chung của chị Th, ông Tuấn A (khoản vay ngày 31/12/2018 số tiền 550.000.000 đồng). Ngoài ra ông B còn viết: *Th vay 31/12/2018 550.000.000 12/1/2019 hạn trả quá hạn Th vay 02/1/2019 vay 500.000.000đ hạn 15/01/2019 trả hiện chưa có trả 21h/15/1/2019 trả 400.000.* Ông B cho rằng 400.000.000 đồng ông đã nhận là trả cho khoản nợ 500.000.000đ là mâu thuẫn với nội dung mà ông B đã viết trong giấy lập ngày 15/01/2019 (*Th vay 02/1/2019 vay 500.000.000đ hạn 15/01/2019 trả hiện chưa có trả*).

Như vậy, căn cứ giấy vay tiền ngày 31/12/2019, giấy trả tiền lập ngày 15/01/2019 có thể kết luận: Chị Th và ông Tuấn A đã trả cho ông B số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng); trong đó chị Th đã trả 200.000.000 đồng, ông Tuấn A đã trả 200.000.000 đồng; chị Th và ông Tuấn A còn nợ ông B số tiền 150.000.000 đồng, cụ thể chị Th còn nợ ông B 75.000.000 đồng và ông Tuấn A còn nợ ông B 75.000.000 đồng.

Cấp sơ thẩm cho rằng chị Th chưa trả nợ cho ông B đối với khoản vay ngày 31/12/2019 với số tiền 550.000.000 đồng là không phù hợp với giấy vay nợ ngày 31/12/2019 và giấy trả nợ ngày 15/01/2019.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng kháng cáo của chị Trần Thị Th có cơ sở và được chấp nhận như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm.

Đối với khoản tiền 500.000.000 đồng ông B cho ông Tuấn A vay ngày 02/01/2019, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, ông B có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của ông B được Tòa án chấp nhận.

Ông Nguyễn Viết B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu

cầu không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, ông B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, ông B được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của chị Trần Thị Th được chấp nhận nên chị Th không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị Th, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 105, 463, 465, 466, khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Viết B: Buộc chị Trần Thị Th phải trả cho ông Đinh Viết B số tiền chưa trả tại giấy vay ngày 31/12/2018 là 75.000.000 đ (bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi suất là 14.875.000 đồng (mười bốn triệu, tám trăm, bảy mươi lăm ngàn đồng). Tổng cộng chị Trần Thị Th phải trả cho ông Đinh Viết B số tiền 89.875.000 đồng (tám mươi chín triệu, tám trăm, bảy mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày ông Đinh Viết B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chị Trần Thị Th không chịu thi hành án thì hàng tháng chị Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **2. Án phí:**

Chị Trần Thị Th phải chịu 4.493.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Nghệ An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- VKSND, TAND V;
- Chi cục THADS V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thúy Ng**